

## 越南學生申請簽證赴臺灣「留學」應備文件說明書

1. 護照正影本各 1 份：護照所餘效期應有 6 個月以上，須影印護照首頁 1 份，護照內倘有簽證或入出境章戳，請一併影印。
2. 簽證申請表 1 份：由本人親自簽名，並附 6 個月內 2 吋白底照片 2 張。
3. 學校入學同意函正影本各 1 份：正本驗畢退還。
4. 最高學歷證明及成績單正影本各 1 份：須經越南各省市司法科翻譯成華文或英文，並經河內或胡志明市外務廳及我駐外館處驗證，提交華文(或英文)與越文正影本各 1 份，正本驗畢退還。
5. 財力證明正影本各 1 份：銀行存款證明或不動產所有權狀正影本各 1 份，正本驗畢退還。不動產所有權狀可由申請人之父母提供，請併附親屬關係證明。
6. 留學計畫書 1 份：以中文或英文書寫。
7. 健康檢查合格證明 1 份：須依據我國行政院衛生署規定「健康檢查證明應檢查項目表」，並於衛生署指定之河內長安醫院(Trang An Hospital)、聖保羅醫院(Saint Paul Hospital)、白梅醫院(Bach Mai Hospital)、一號交通運輸醫院(Transport Hanoi 1 Hospital)、順化中央醫院(Hue Central Hospital)、胡志明市統一醫院(Thong Nhat Hospital)、大水鑊(Cho Ray Hospital)醫院接受檢查，檢查證明以 3 個月內為限。
8. 外語能力證明 1 份：申請就讀學位課程係以英語授課者，須提交英語基本能力證明 1 種(例如：TOEFL、TOEIC、IELTS)；若課程係以華語授課者，須提交臺灣「華語文能力測驗」(TOCFL)能力證明。最低標準如下：  
**華語文能力：**
  - (1)就讀一般大學學位課程者：提交「華語文能力測驗」(TOCFL)2 級以上能力證明。
  - (2)就讀外國學生專班，擬先赴臺灣就讀一年華語文者：提交華語文能力測驗(TOCFL)1 級以上能力證明。**英語文能力：**
  - (1)托福成績(TOEFL)：網路測驗(iBT)26 分以上、紙筆測驗(pBT)385 分以上。
  - (2)多益成績(TOEIC)：375 分以上。
  - (3)雅思成績(IELTS)：3.0 分以上。
9. 簽證規費及審核時間：居留簽證一般件 66 美元，5 個工作天；提辦件 99 美元，2 個工作天。

10. 依據外國護照簽證條例施行細則第 5 條規定，駐外館處得要求簽證申請人面談或提供相關佐證文件。

(駐越南臺灣教育資料中心 2013/1/18 印製)

## HƯỚNG DẪN XIN VISA DU HỌC CHÍNH QUY

1. Hộ chiếu bản chính và bản sao. Hộ chiếu phải còn hiệu lực trên 6 tháng. Photo trang đầu, nếu trong hộ chiếu có con dấu xuất nhập cảnh, yêu cầu photo thêm trang đó.
2. Mẫu đơn xin visa 1 bản có chữ ký của đương sự (kèm 2 tấm hình 4x6 nền trắng chụp trong 6 tháng gần nhất).
3. Giấy thông báo nhập học của các trường bản chính và bản sao, bản chính đối chiếu xong sẽ trả lại.
4. Bản chính và bản sao Văn bằng học lực cao nhất và thành tích học tập, bản chính đối chiếu xong trả lại. Các loại văn bằng trên phải được Phòng Tư pháp các tỉnh thành dịch sang tiếng Hoa hoặc tiếng Anh, đồng thời thông qua thị thực Sở ngoại vụ Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Kinh tế Văn hoá Đài Bắc tại Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Chứng minh tài chính: sổ tiết kiệm ngân hàng hoặc giấy chứng nhận chủ quyền nhà đất bản chính và bản sao, bản chính đối chiếu xong trả lại. Trường hợp tài sản nhà đất của cha mẹ thì phải chứng minh quan hệ với chủ hộ.
6. Kế hoạch học tập 1 bản, viết bằng tiếng Hoa hoặc tiếng Anh.
7. Giấy khám sức khỏe trong 3 tháng gần nhất 1 bản: theo mẫu quy định của Cục vệ sinh hành chính Đài Loan và khám tại những bệnh viện được chỉ định sau: Tại Hà Nội: bệnh viện Tràng An ,bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện Saint Paul, bệnh viện Giao thông vận tải Hà Nội. Tại Huế: bệnh viện Trung Ương Huế. Tại TPHCM: bệnh viện Thống Nhất, bệnh viện Chợ Rẫy.
8. Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ 1 bản. Trường hợp đương sự xin học các học vị mà chương trình học được giảng dạy bằng tiếng Anh, yêu cầu phải cung cấp một trong những chứng chỉ Anh ngữ quốc tế (TOEFL, TOEIC, IELTS). Trường hợp đương sự xin theo học chương trình được giảng dạy bằng tiếng Hoa, hoặc chứng chỉ trình độ tiếng Hoa Kỳ thi Năng lực Hoa Ngữ (TOCFL) do Bộ giáo dục Đài Loan cấp. Tiêu chuẩn cụ thể như sau:

### **Trình độ tiếng Hoa:**

- (1) Đối tượng xin theo học Đại học phải cung cấp giấy chứng nhận Kỳ thi Năng lực Hoa Ngữ (TOCFL) từ cấp 2 trở lên.
- (2) Các lớp chuyên dành cho sinh viên nước ngoài, hoặc xin theo học chương trình học tiếng Hoa một năm phải cung cấp giấy chứng nhận trình độ tiếng Hoa (TOCFL) từ cấp 1 trở lên.

### **Trình độ tiếng Anh:**

- (1) TOEFL: iBT 26 điểm trở lên; pBT 385 điểm trở lên.
- (2) TOEIC: 375 điểm trở lên.
- (3) IELTS: 3.0 điểm trở lên.

9. Chi phí và thời gian làm visa: loại thường: 66 USD, thời gian 5 ngày làm việc. Loại làm gấp: 99USD, thời gian 2 ngày làm việc.

10. Căn cứ theo điều khoản thứ 5 quy định về điều lệ thi hành cấp visa cho người nước ngoài. Văn phòng chúng tôi được quyền yêu cầu đương sự phỏng vấn hoặc yêu cầu đương sự cung cấp những chứng từ hồ sơ có liên quan.

*(Trung tâm Dữ liệu Giáo dục Đài Loan tại Việt Nam biên tập ngày 18/1/2013)*

## 越南學生申請簽證赴臺灣「研習華語」應備文件說明書

### 一、受理對象與資格：

- 1.持有越南大學畢業證書或在學證明者。
- 2.持有越南高中或高專畢業證書，且每學年平均成績均達到6分以上者。

### 二、應備申請文件：

- 1.護照正影本各1份：護照所餘效期應有6個月以上，須影印護照首頁1份，護照內倘有簽證或入出境章戳，請一併影印。
- 2.簽證申請表1份：由本人親自簽名，並附上6個月內2吋白底照片2張。
- 3.華語文教學中心入學同意函正影本各1份：正本驗畢退還。
- 4.最高學歷證明及成績單正影本各1份：須經越南各省市司法科翻譯成華文或英文，並經河內或胡志明市外務廳及我駐外館處驗證。提交華文(或英文)與越文正影本各1份，正本驗畢退還。
- 5.財力證明正影本各1份：銀行存款證明或不動產所有權狀正影本各1份，正本驗畢退還。不動產所有權狀可由申請人之父母提供，請併附親屬關係證明。
- 6.研習計畫書1份：以華文或英文書寫。
- 7.外語能力證明1份：須提交下列基本外語能力證明之一。
  - (1)華語文能力測驗(TOCFL)1級(入門級)以上能力證明。
  - (2)胡志明市人文社會科學大學或胡志明市師範大學華語文能力考試證書A級以上。
  - (3)英語能力測驗成績單：通過國際英語能力測驗：托福成績 TOEFL(iBT: 18分以上; pBT: 340分以上)、多益成績 TOEIC: 300分以上、雅思成績 IELTS: 2.5分以上。
  - (4)大學、高專主修華文或英文科系者，至少就讀一年以上之學業成績單，每學年平均成績均達到6分以上。
- 8.簽證規費及審核時間：停留簽證一般件50美元，5個工作天；提辦件75美元，2個工作天。
- 9.依據外國護照簽證條例施行細則第5條規定，駐外館處得要求簽證申請人面談或提供相關佐證文件。

(駐越南臺灣教育資料中心 2013/1/18 印製)

## HƯỚNG DẪN XIN VISA DU HỌC TIẾNG HOA

### I. Đối tượng tiếp nhận hồ sơ:

1. Sinh viên Việt Nam tốt nghiệp đại học hoặc Giấy chứng nhận đang theo học.
2. Có bằng chứng nhận tốt nghiệp THPT, cao đẳng. Đồng thời điểm trung bình mỗi năm học đạt từ 6.0 điểm trở lên.

### II. Hồ sơ yêu cầu cung cấp:

1. Hộ chiếu bản chính và bản sao. Hộ chiếu phải còn hiệu lực trên 6 tháng. Photo trang đầu, nếu trong hộ chiếu có con dấu xuất nhập cảnh, yêu cầu photo thêm trang đó.
2. Mẫu đơn xin visa 1 bản có chữ ký của đương sự (kèm 2 tấm hình 4x6 nền trắng chụp trong 6 tháng gần nhất).
3. Giấy thông báo nhập học của trung tâm Hoa ngữ bản chính và bản sao, bản chính đối chiếu xong sẽ trả lại.
4. Bản chính và bản sao Văn bằng học lực cao nhất và thành tích học tập, bản chính đối chiếu xong trả lại. Các loại văn bằng trên phải được Phòng Tư pháp các tỉnh thành dịch sang tiếng Hoa hoặc tiếng Anh, đồng thời thông qua thị thực Sở ngoại vụ Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh.
5. Chứng minh tài chính: sổ tiết kiệm ngân hàng hoặc giấy chứng nhận chủ quyền nhà đất bản chính và bản sao, bản chính đối chiếu xong trả lại. Trường hợp tài sản nhà đất của cha mẹ thì phải chứng minh quan hệ với chủ hộ.
6. Kế hoạch học tập 1 bản, viết bằng tiếng Hoa hoặc tiếng Anh.
7. Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ 1 bản, yêu cầu phải có một trong những chứng chỉ sau:
  - (1) Chứng chỉ Kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL) từ cấp 1 (cấp vỡ lòng) trở lên.
  - (2) Chứng chỉ Quốc gia tiếng Hoa trình độ A trở lên do Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM cấp, hoặc Trường Đại học Sư phạm TPHCM cấp.
  - (3) Chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế: TOEFL (iBT: 18 điểm trở lên; pBT: 340 điểm trở lên), TOEIC 300 điểm trở lên, IELTS: 2.5 điểm trở lên.
  - (4) Sinh viên đại học, cao đẳng đang theo học chuyên ngành tiếng Hoa hoặc tiếng Anh, có bản điểm học lực ít nhất từ 1 năm trở lên, và điểm trung bình mỗi năm từ 6.0 điểm trở lên.
8. Chi phí và thời gian cấp visa: loại thường: 50 USD, thời gian 5 ngày làm việc. Loại làm gấp: 75 USD, thời gian 2 ngày làm việc.
9. Căn cứ theo điều khoản thứ 5 quy định về điều lệ thi hành cấp visa cho hộ chiếu người nước ngoài. Văn phòng chúng tôi được quyền yêu cầu đương sự phỏng vấn hoặc yêu cầu cung cấp những chứng từ hồ sơ có liên quan khác.

(Trung tâm Dữ liệu Giáo dục Đài Loan tại Việt Nam Văn bản ngày 18/1/2013)